

Số: 410 /TTr-CP

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2024

TỜ TRÌNH
Dự án Luật Việc làm (sửa đổi)

Kính gửi: Quốc hội.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện Nghị quyết số 89/2023/QH15 ngày 08 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, Chính phủ trình Quốc hội Dự án Luật Việc làm (sửa đổi) như sau.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT VIỆC LÀM (SỬA ĐỔI)**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc”¹, “Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tạo việc làm cho người lao động”², “Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài”³.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII tiếp tục nhấn mạnh quan điểm, chủ trương xuyên suốt của Đảng về mục tiêu giải quyết việc làm bền vững, chất lượng, phát triển nguồn nhân lực (một trong ba khâu đột phá chiến lược) và hỗ trợ phát triển thị trường lao động, cụ thể: “Tạo sinh kế, việc làm, định canh, định cư vững chắc cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới”, “Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nhất là ở nông thôn. Chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên lực lượng lao động”, “Tạo môi trường và điều kiện để phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, linh hoạt, thống nhất, hội nhập, có sự quản lý, điều tiết của Nhà nước. Tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động, nâng cao chất lượng dự báo nhằm nâng cao hiệu quả kết nối cung - cầu lao động và chất lượng dịch vụ việc làm; khuyến khích xây dựng các mô hình liên kết, đào tạo và giới thiệu việc làm; có cơ chế, chính sách định hướng dịch chuyển lao động thông thoáng,

¹ Khoản 1 Điều 35.

² Khoản 1 Điều 57.

³ Khoản 1 Điều 61.

phân bố hợp lý lao động theo vùng. Chú trọng bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe người lao động. Nâng cao chất lượng của lao động đưa đi làm việc ở nước ngoài. Giữ tỷ lệ thất nghiệp ở mức hợp lý”.

Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới, đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động, tập trung: *“Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục; đổi mới giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động và tạo cơ hội học tập suốt đời. Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động”; “Phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiệu quả, đồng bộ với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”; “Hoàn thiện tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp áp dụng cho các ngành nghề trong xã hội”; “Hiện đại hoá, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm”; “Tạo việc làm cho người lao động phải gắn với mục tiêu phát triển bền vững”; “Tăng cơ hội việc làm bền vững cho người trong và sau độ tuổi lao động để thích ứng với tốc độ già hoá dân số”; “Mở rộng tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn”.*

Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ban chấp hành Trung ương khoá XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội đã đề ra các nội dung cải cách về chính sách bảo hiểm thất nghiệp, tập trung: *“Sửa đổi, bổ sung chính sách bảo hiểm thất nghiệp, chính sách việc làm theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động duy trì việc làm, bảo đảm quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp và người lao động”; “Triển khai có hiệu quả các chính sách bảo hiểm thất nghiệp, phát huy đầy đủ các chức năng của bảo hiểm thất nghiệp, bảo đảm bảo hiểm thất nghiệp thực sự là công cụ quản trị thị trường lao động”. “Nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bao gồm việc hoàn thiện bộ máy tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp”.*

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, với mục tiêu tổng quát đổi mới căn bản, toàn diện và đồng bộ hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, có năng lực tự chủ, quản trị tiên tiến, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; giữ vai trò chủ đạo, then chốt trong thị trường dịch vụ sự nghiệp công; cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu có chất lượng ngày càng cao; phát triển thị trường dịch vụ sự nghiệp công và thu hút mạnh mẽ các thành phần kinh tế tham gia

phát triển dịch vụ sự nghiệp công. Đồng thời, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, thực hiện dịch vụ công trực tuyến theo tinh thần của Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Bên cạnh đó, Ban Bí thư cũng đã ban hành Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22 tháng 11 năm 2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội, Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23 tháng 6 năm 2021 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030, Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 12 tháng 12 năm 2022 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới, Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó nhấn mạnh việc tăng cường các nguồn tín dụng chính sách cũng như quan tâm đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm (*trong và ngoài nước*) cho các đối tượng yếu thế, đặc thù, nhất là lao động nghèo, lao động thuộc các vùng khó khăn ...

2. Cơ sở thực tiễn

Luật Việc làm số 38/2013/QH13 đã được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 16 tháng 11 năm 2013, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 năm 01 năm 2015. Lần đầu tiên Việt Nam có một văn bản luật quy định đầy đủ, điều chỉnh toàn diện các quan hệ về việc làm và thị trường lao động, mở rộng độ bao phủ, điều chỉnh các chính sách lao động, việc làm đến toàn bộ lực lượng lao động (*bao gồm cả đối tượng lao động có giao kết và không có giao kết hợp đồng lao động*); là cơ sở quan trọng để xây dựng các chính sách hỗ trợ người lao động, trong đó có lao động yếu thế và tăng cường cơ hội việc làm theo hướng bền vững cho lao động không có quan hệ lao động, không tham gia bảo hiểm xã hội; hỗ trợ lao động tìm việc làm, tiếp cận thông tin việc làm, nghề nghiệp thông qua phát triển hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm, cho vay hỗ trợ tạo việc làm, chính sách việc làm công; hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển kỹ năng nghề; hỗ trợ đảm bảo một phần thu nhập, giúp người thất nghiệp sớm quay trở lại thị trường lao động thông qua chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Tuy nhiên, qua quá trình triển khai thực hiện Luật Việc làm đã bộc lộ những khó khăn, hạn chế, bất cập như sau:

Thứ nhất, một số các quy định, chính sách của Luật Việc làm 2013 chưa đảm bảo sự phù hợp, thống nhất với quy định của các văn bản hiện hành có liên quan như: (i) Các quy định về đăng ký và quản lý lao động, về độ tuổi người lao động chưa phù hợp với Bộ Luật Lao động 2019; (ii) Một số quy định, chính sách về bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) chưa thống nhất với Luật Bảo hiểm xã hội 2024 vừa được thông qua; (iii) Quy định về điều kiện thành lập trung tâm dịch vụ việc làm không còn phù hợp với quy định tại Luật Quy hoạch năm 2017 ...

Thứ hai, các quy định, chính sách của Luật Việc làm 2013 chưa kịp thời đáp ứng các yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể:

- Thế giới đang bước vào thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với bản chất là dựa trên cuộc cách mạng kỹ thuật số. Việt Nam là một trong những quốc gia có nền kinh tế phát triển với tốc độ nhanh nhờ vào định hướng phát triển nền kinh tế số⁴, thúc đẩy sự phát triển kinh tế số. Phát triển kinh tế số mở ra các cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, với nhiều hình thức việc làm đa dạng, từ việc làm đòi hỏi trình độ cao đến những việc làm với trình độ phổ thông. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định chính sách trong việc chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong thông tin thị trường lao động, dịch vụ việc làm; thiếu các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển việc làm sáng tạo, việc làm trong bối cảnh kinh tế số, chuyển đổi số; chưa có quy định, chế tài bảo vệ quyền lợi của người lao động cũng như xử lý cụ thể đối với các hành vi giao dịch việc làm trên môi trường điện tử ...

- Hiện nay, Việt Nam nằm trong số 10 nước có tốc độ già hóa nhanh nhất trên thế giới (*nước ta đã bước vào giai đoạn “già hoá dân số” ngay từ năm 2011, sớm hơn 6 năm so với dự báo của Tổng cục Thống kê là năm 2017*), tuy nhiên chưa có quy định về chính sách hỗ trợ người lao động chuyển tiếp và tìm kiếm việc làm trong bối cảnh già hóa dân số; các quy định về việc làm đối với thanh niên; chất lượng việc làm của nhóm lao động yếu thế thấp.

- Các chính sách về việc làm bền vững bộc lộ các vấn đề không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội. Mặc dù Luật Việc làm 2013 đã có các quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm, gồm: chính sách về tín dụng tạo việc làm; hỗ trợ chuyển dịch việc làm cho lao động nông thôn; hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên; chính sách việc làm công và hỗ trợ phát triển thị trường lao động, tuy nhiên hiện nay, điều kiện kinh tế - xã hội đã có nhiều thay đổi, do đó các chính sách đã không còn phù hợp và phát huy được hiệu quả.

- Mức độ đáp ứng của hệ thống thông tin thị trường lao động, sự kết nối về thông tin trên phạm vi vùng, cả nước chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn; chất lượng, tính minh bạch, chuyên nghiệp của hoạt động dịch vụ việc làm chưa cao; tình trạng mất cân đối cung - cầu lao động cục bộ diễn biến phức tạp, các doanh nghiệp vẫn phải đối mặt với khó khăn trong tuyển dụng lao động, kể cả lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật và lao động phổ thông.

- Đối tượng tham gia BHTN theo quy định của Luật Việc làm chưa bao phủ hết tất cả đối tượng có quan hệ lao động; chính sách BHTN chưa thực sự gắn với thị trường lao động, còn nặng về giải quyết trợ cấp thất nghiệp, chưa chú ý thỏa đáng đến giải pháp phòng ngừa thất nghiệp; một số quy định về chế độ trợ cấp thất nghiệp, căn cứ đóng BHTN không còn phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW.

⁴ Năm 2020, Việt Nam đứng thứ 22/60 về tốc độ số hóa và thứ 48/60 quốc gia có tốc độ chuyển đổi kinh tế số nhanh trên thế giới.

- Thiếu các quy định về trách nhiệm, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong phát kỹ năng nghề, xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, phát triển KNN cho người lao động, nhất là nhân lực trình độ cao; tổ chức hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ quốc gia còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu ...

Thứ ba, một số quy định của Luật Việc làm năm 2013 cần rà soát, sửa đổi theo khuyến nghị của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, như: Việt Nam đã tham gia Công ước số 88 của Tổ chức lao động quốc tế (ILO) về dịch vụ việc làm mà Việt Nam trong đó nhấn mạnh dịch vụ việc làm phải được hợp thành một hệ thống quốc gia bao gồm một mạng lưới các cơ quan dịch vụ việc làm địa phương hoặc vùng. Tuy nhiên, hiện nay các trung tâm hoạt động chưa có sự phối hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu, hoạt động giữa các trung tâm còn hạn chế và chưa thể hiện nguyên tắc thống nhất về hoạt động nghiệp vụ.

Xuất phát từ những lý do, yêu cầu nêu trên, việc sửa đổi Luật Việc làm là rất cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT VIỆC LÀM (SỬA ĐỔI)

1. Mục đích ban hành văn bản

Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phù hợp của hệ thống pháp luật có sự quản lý, điều tiết của Nhà nước; đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, góp phần thúc đẩy phát triển thị trường lao động, hướng tới bảo đảm việc làm bền vững cho tất cả lao động.

2. Quan điểm xây dựng dự án Luật Việc làm (sửa đổi)

a) Bảo đảm quyền làm việc, phát triển nguồn nhân lực theo quy định của Hiến pháp năm 2013; thể chế hóa quan điểm, đường lối tại Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII về hỗ trợ phát triển thị trường lao động, phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm; các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu về phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động trong Nghị quyết số 42-NQ/TW; quan điểm, chủ trương, đường lối, nội dung cải cách về bảo hiểm thất nghiệp trong Nghị quyết số 28-NQ/TW và các văn kiện, nghị quyết có liên quan.

b) Kế thừa, phát triển những quy định hiện hành phù hợp đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn, sửa đổi các quy định chưa phù hợp, bảo đảm tính khả thi, dài hạn, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; bổ sung những quy định mới phù hợp với thực trạng thị trường lao động, xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu hội nhập quốc tế.

c) Tạo điều kiện thuận lợi để mọi người lao động, trong đó có lao động không có quan hệ lao động được tham gia và thụ hưởng các chính sách, chế độ.

d) Tham khảo và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới, nhất là các quốc gia có đặc điểm tương đồng với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam và phù hợp các cam kết, tiêu chuẩn về lao động, việc làm trong các Công ước, Thỏa thuận, Hiệp định hợp tác mà Việt Nam đã tham gia, thoả thuận cấp chính phủ và địa phương giữa Việt Nam và các nước láng giềng, những sáng kiến được đưa ra tại các tổ chức, diễn đàn quốc tế và khu vực như Liên hợp quốc, ASEAN, APEC, ASEM...

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ ÁN LUẬT VIỆC LÀM (SỬA ĐỔI)

1. Phạm vi điều chỉnh

Phạm vi điều chỉnh của Luật Việc làm (sửa đổi) gồm: Chính sách hỗ trợ tạo việc làm; Đăng ký và quản lý lao động; Hệ thống thông tin thị trường lao động; Phát triển kỹ năng nghề; Dịch vụ việc làm; Bảo hiểm thất nghiệp; Quản lý nhà nước về việc làm.

Trong đó, giữ nguyên tên gọi các nội dung so với Luật Việc làm 2013 gồm: Chính sách hỗ trợ tạo việc làm; Bảo hiểm thất nghiệp; Quản lý nhà nước về việc làm; đổi tên nội dung “Tổ chức, hoạt động dịch vụ việc làm” thành “Dịch vụ việc làm”, “Thông tin thị trường lao động” thành “Hệ thống thông tin thị trường lao động”; bổ sung nội dung phát triển kỹ năng nghề và đổi tên “Đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề” thành “Phát triển kỹ năng nghề”; bổ sung nội dung “Đăng ký và quản lý lao động”.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Luật Việc làm (sửa đổi) gồm: người lao động, người sử dụng lao động và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc làm. Đối tượng áp dụng này được giữ nguyên như Luật Việc làm 2013.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT VIỆC LÀM (SỬA ĐỔI)

1. Ngày 08 tháng 6 năm 2023, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 89/2023/QH15 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trong đó, dự án Luật Việc làm (sửa đổi) dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024).

2. Ngày 06 tháng 7 năm 2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 805/QĐ-TTg phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 và

các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trong đó giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì xây dựng dự án Luật Việc làm (sửa đổi).

3. Ngày 26 tháng 9 năm 2023, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 1411/QĐ-LĐTBXH thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập Dự án Luật Việc làm (sửa đổi)

4. Ngày 15 tháng 3 năm 2024, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản gửi lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương về Dự án Luật Việc làm (sửa đổi); đồng thời đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng chịu tác động.

Đến nay, đã có hàng trăm văn bản, ý kiến⁵ góp ý từ các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan đối với hồ sơ dự án Luật Việc làm (sửa đổi). Sau 60 ngày đăng trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử Bộ, có 10 ý kiến góp ý của công dân, tổ chức đối với dự án Luật Việc làm (sửa đổi).

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, khảo sát, cuộc họp lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức, các chuyên gia, nhà khoa học, đối tượng bị tác động.

5. Ngày 12 tháng 6 năm 2024, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản số 2484/BLĐTBXH-CVL gửi Bộ Tư pháp đề nghị thẩm định Dự án Luật Việc làm (sửa đổi).

6. Ngày 27 tháng 6 năm 2024, Bộ Tư pháp có Báo cáo số 153/BCTĐ-BTP thẩm định Hồ sơ dự án Luật Việc làm (sửa đổi).

7. Ngày 09 tháng 7 năm 2024, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có Tờ trình số 37/TTr-BLĐTBXH trình Chính phủ Dự án Luật Việc làm (sửa đổi).

8. Ngày 03 tháng 8 năm 2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 118/NQ-CP về Phiên họp chuyên đề pháp luật tháng 7 năm 2024, trong đó có kết luận về Dự án Luật Việc làm (sửa đổi).

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Bố cục

Dự thảo Luật Việc làm (sửa đổi) được kết cấu gồm 9 chương và 130 điều (*Luật Việc làm năm 2013 gồm 7 chương và 62 điều*), được sắp xếp bố cục như sau:

⁵ Trong đó: (i) 27 Bộ, ngành, cơ quan Trung ương; (ii) 55/63 tỉnh, thành phố; (iii) 07 tổ chức, doanh nghiệp; 05 đơn vị thuộc Bộ

- Chương I. Những quy định chung, gồm 6 điều (Từ Điều 1 đến Điều 6).
- Chương II. Chính sách hỗ trợ tạo việc làm, gồm 21 điều (Từ Điều 7 đến Điều 27).
- Chương III. Đăng ký và quản lý lao động, gồm 12 điều (Từ Điều 28 đến Điều 39).
- Chương IV. Hệ thống thông tin thị trường lao động, gồm 9 điều (Từ Điều 40 đến Điều 48).
- Chương V. Phát triển kỹ năng nghề, gồm 20 điều (Từ Điều 49 đến Điều 68).
- Chương VI. Dịch vụ việc làm, gồm 10 điều (Từ Điều 69 đến Điều 78).
- Chương VII. Bảo hiểm thất nghiệp, gồm 47 điều (Từ Điều 79 đến Điều 125).
- Chương VIII. Quản lý nhà nước về việc làm, gồm 3 điều (Từ Điều 126 đến Điều 128).
- Chương IX. Điều khoản thi hành, gồm 2 điều (Từ Điều 129 đến Điều 130).

2. Một số nội dung sửa đổi, bổ sung lớn của dự thảo luật

Dự thảo Luật Việc làm (sửa đổi) đã: (i) Thể chế hóa mục tiêu giải quyết việc làm bền vững, chất lượng, phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ phát triển thị trường lao động của Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 42-NQ/TW; các nội dung cải cách về chính sách bảo hiểm thất nghiệp của Nghị quyết số 28-NQ/TW; (ii) Bám sát 4 nhóm chính sách trong đề nghị xây dựng dự án Luật đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 89/2023/QH15; (iii) Tổng hợp những kiến nghị của các Đại biểu Quốc hội, cử tri về lĩnh vực việc làm; (iv) Rà soát hạn chế, vướng mắc, bất cập phát sinh trong tổng kết thi hành Luật Việc làm năm 2013, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan; (v) Rà soát các điều ước, cam kết quốc tế liên quan đến lĩnh vực việc làm. So với Luật Việc làm năm 2013, dự thảo Luật Việc làm (sửa đổi) có một số nội dung sửa đổi, bổ sung lớn như sau:

a) Sửa đổi quy định về nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm (Điều 8)

- Cơ sở chính trị:

Nghị quyết số 42-NQ/TW đề ra nhiệm vụ, giải pháp: “*Mở rộng tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn*”. Chỉ thị số 40-CT/TW khẳng định: “*Ưu tiên cân đối nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình, dự án tín dụng chính sách xã hội*”, “*Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) chủ động thực hiện tốt việc huy động, quản lý và sử dụng vốn có hiệu quả*”.

- Cơ sở thực tiễn:

Hiện nay, nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm bao gồm: nguồn vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm (*ngân sách Trung ương*), nguồn vốn do NHCSXH huy động và nguồn địa phương uỷ thác qua NHCSXH. Tuy nhiên, trong Luật Việc làm năm 2013 chỉ có các quy định về Quỹ quốc gia về việc làm. Trong khi đó, nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm chủ yếu đến từ 02 nguồn: (i) Nguồn huy động của NHCSXH, (*chiếm tỷ trọng lớn nhất, có xu hướng ngày càng tăng (thông qua cơ chế cấp bù chênh lệch lãi suất) nhưng mới được quy định ở văn bản dưới Luật*); (ii) Nguồn uỷ thác của địa phương qua NHCSXH (*chưa có quy định cụ thể nên nhiều địa phương gặp khó khăn khi uỷ thác qua NHCSXH*).

Tính đến tháng 7/2024, tổng dư nợ chương trình cho vay hỗ trợ việc làm đạt trên 102.217 tỷ đồng, là chương trình có dư nợ lớn nhất (*chiếm 29,14% tổng dư nợ*) trong các chương trình đang triển khai tại NHCSXH. Theo báo cáo của NHCSXH, 63/63 tỉnh, thành phố (*trong đó có nhiều địa phương có cấp huyện*) đã uỷ thác ngân sách địa phương⁶ qua NHCSXH để cho vay hỗ trợ tạo việc làm (*trong nước và ngoài nước*) với tổng dư nợ khoảng 38.378 tỷ đồng (*chiếm 37,5% tổng dư nợ*).

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022, Chính phủ đã bố trí 10.000 tỷ đồng từ nguồn phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh của NHCSXH để thực hiện cho vay hỗ trợ tạo, duy trì và mở rộng việc làm. Trên cơ sở hiệu quả triển khai chính sách, ngày 02 tháng 11 năm 2023, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 181/NQ-CP điều chỉnh kế hoạch vốn dự kiến không giải ngân hết của 04 chính sách cho vay ưu đãi thông qua NHCSXH tối đa 15.500 tỷ đồng để bổ sung cho chính sách cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm (*đến hết năm 2023, tổng dư nợ đạt 24.876 tỷ đồng với hơn 448,4 nghìn khách hàng được vay vốn hỗ trợ tạo, duy trì, mở rộng việc làm, được Quốc hội đánh giá là chính sách cho vay thiết thực, hiệu quả nhất khi triển khai Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội*).

Mặt khác, nhằm khắc phục khó khăn, vướng mắc khi uỷ thác nguồn ngân sách địa phương qua NHCSXH để thực hiện chính sách tín dụng (*trong đó có chính sách tín dụng việc làm*), Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh, Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các

⁶ Tùy theo từng địa phương, nguồn vốn bố trí từ nguồn vốn đầu tư công, nguồn vốn đầu tư phát triển khác, kinh phí thường xuyên hoặc nguồn vốn hợp pháp khác.

chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định bố trí vốn đầu tư công, vốn đầu tư phát triển, kinh phí thường xuyên, giao Ủy ban nhân dân cùng cấp ủy thác cho NHCSXH tại địa phương thực hiện cho vay giải quyết việc làm.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung:

Sửa đổi quy định về nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của pháp luật, góp phần tăng cường nguồn vốn và nâng cao hiệu quả cho vay giải quyết việc làm theo hướng gồm: Ngân sách Trung ương cấp cho NHCSXH từ chi đầu tư phát triển (*giải thể Quỹ quốc gia về việc làm để đảm bảo phù hợp quy định Luật Ngân sách nhà nước 2015*); Nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH; Nguồn huy động của NHCSXH; Nguồn vốn tổ chức, cá nhân khác ủy thác qua NHCSXH. Đồng thời bổ sung quy định HĐND cấp tỉnh, cấp huyện bố trí vốn ngân sách địa phương, giao UBND cùng cấp ủy thác qua NHCSXH thực hiện cho vay giải quyết việc làm.

b) Mở rộng đối tượng vay vốn đi làm việc ở nước ngoài (Điều 12)

- Cơ sở chính trị:

Chỉ thị số 20-CT/TW khẳng định: “*Rà soát, bổ sung, hoàn thiện pháp luật liên quan đến công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, bảo đảm điều chỉnh bao quát các đối tượng, loại hình lao động*”; “*Có chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng nghề, ngoại ngữ cho người lao động, ưu tiên quân nhân xuất ngũ, người dân tộc thiểu số, hộ nghèo vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn*”

- Cơ sở thực tiễn:

Luật Việc làm 2013 và các văn bản hướng dẫn chỉ quy định đối tượng vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng gồm 05 đối tượng⁷ từ nguồn vốn vay Quỹ quốc gia về việc làm và nguồn huy động của NHCSXH. Tuy nhiên, bên cạnh nguồn vốn này, nhiều địa phương đã quan tâm, đẩy mạnh công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng nhằm góp phần giải quyết việc làm, thoát nghèo bền vững, từ đó, bố trí ngân sách địa phương⁸ qua NHCSXH để cho vay hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với tất cả người lao động có nhu cầu (*không phân biệt người lao động khó khăn hay không*) hoặc mở rộng ra các đối tượng khác ngoài các đối tượng được vay theo quy định của Luật Việc làm 2013 và các văn bản hướng dẫn.

⁷ Người dân tộc thiểu số, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, lao động bị thu hồi đất nông nghiệp, thân nhân người có công với cách mạng.

⁸ Tùy theo từng địa phương, nguồn vốn bố trí từ nguồn vốn đầu tư công, nguồn vốn đầu tư phát triển khác, kinh phí thường xuyên hoặc nguồn vốn hợp pháp khác.

Theo báo cáo của NHCSXH, 63/63 tỉnh, thành phố (*trong đó có nhiều địa phương có cấp huyện*) đã ủy thác cho NHCSXH để cho vay hỗ trợ tạo việc làm (*trong đó có cho vay đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*) với tổng dư nợ khoảng 38.378 tỷ đồng (*chiếm 37,5% tổng dư nợ cho vay giải quyết việc làm*). Giai đoạn 2022 - 2023, có 16.066 lượt người lao động vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (*chủ yếu từ nguồn ủy thác của địa phương, đối tượng vay đa phần ngoài các nhóm đối tượng theo quy định của Luật Việc làm 2013*), tuy nhiên, số này chỉ chiếm thấp (*trên dưới 5%*) so với tổng số lao động đi làm việc ở nước ngoài hàng năm (*năm 2022: 142.779 người, năm 2023: 155.000 người*). Đồng thời, qua khảo sát nhanh tại các địa phương, rất nhiều lao động đi làm việc ở nước ngoài, nhất là các thị trường có thu nhập cao, ổn định (*Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản ...*) mong muốn được tiếp cận với nguồn tín dụng ưu đãi này.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung:

Nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng, đảm bảo các nguyên tắc về việc làm, thống nhất về các quy định liên quan cho vay đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (*không phân biệt nguồn ngân sách trung ương hay ngân sách địa phương*), tạo cơ hội cho tất cả người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng có cơ hội tiếp cận nguồn tín dụng ưu đãi, dự kiến Luật Việc làm sửa đổi quy định về đối tượng vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (*không giới hạn 05 đối tượng như Luật hiện hành*), đồng thời quy định linh hoạt đối với nguồn vốn của địa phương, tổ chức, cá nhân khác ủy thác cho NHCSXH (*địa phương, tổ chức, cá nhân ủy thác cho NHCSXH có thể quyết định đối tượng khác được ưu tiên lãi suất hoặc ưu tiên vay vốn ngoài các đối tượng quy định chung*).

c) Bổ sung quy định về đăng ký và quản lý lao động (từ Điều 28 đến Điều 39)

- Cơ sở chính trị:

Nghị quyết số 42-NQ/TW đề ra nhiệm vụ, giải pháp: “*Hiện đại hoá, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm*”.

- Cơ sở thực tiễn:

Hiện nay chưa có quy định về việc đăng ký lao động nên quản lý lao động còn hạn chế, nhất là đối với nhóm lao động không có quan hệ lao động. Lực lượng lao động cả nước có 52,5 triệu người, tuy nhiên, mới có trên 17,489 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội được Bảo hiểm xã hội Việt Nam thu thập, tổng hợp, cập nhật trong cơ sở dữ liệu quốc gia về BHXH, khoảng 35 triệu lao động (*chiếm 2/3 lực lượng lao động cả nước*) chưa được thu thập, nắm thông tin về tình trạng lao động, việc làm.

Thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) và Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, hiện nay, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đang phối hợp với Bộ Công an và các địa phương tổ chức thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu về người lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác (*tính đến tháng 7/2024, đã thu thập dữ liệu khoảng 34,1 triệu lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư*).

Do đó, đăng ký và quản lý lao động nhằm quản lý nguồn lao động; xây dựng và hoạch định các chính sách về việc làm; tạo thuận lợi cho người lao động trong tiếp cận và thụ hưởng các chính sách về hỗ trợ tạo việc làm, đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, tư vấn, giới thiệu việc làm; đảm bảo công khai, minh bạch trong quản lý nhà nước về việc làm. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu người lao động kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thuế, bảo hiểm xã hội ... sẽ tạo đột phá cho cả hệ thống chính trị, trước hết là hệ thống hành chính, tạo môi trường công khai, minh bạch trong quản lý nhà nước, quản trị xã hội, phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp tốt hơn.

- Đề xuất bổ sung:

Dự kiến Luật Việc làm (sửa đổi) bổ sung quy định về đăng ký và quản lý lao động đối với: người lao động có việc làm (*người có việc làm thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc và người có việc làm không tham gia BHXH bắt buộc*) và người thất nghiệp (*người lao động không có làm việc, đang tìm kiếm việc làm và sẵn sàng làm việc*).

Cơ chế đăng ký, điều chỉnh thông tin về việc làm trong cơ sở dữ liệu về người lao động được thực hiện theo hướng: (i) Đối với người lao động thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc: người sử dụng lao động nộp hồ sơ đăng ký, điều chỉnh thông tin cho người lao động cùng lúc khi nộp hồ sơ đăng ký, điều chỉnh thông tin tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội 2024; (ii) Đối với người lao động không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc và người thất nghiệp: theo cơ chế khuyến khích tự nguyện, khi người lao động có nhu cầu thì nộp hồ sơ đăng ký, điều chỉnh thông tin lao động qua Cổng dịch vụ công quốc gia, ứng dụng định danh quốc gia hoặc trực tiếp đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ở hiện tại.

Đồng thời, nhằm đảm bảo tính đồng bộ, kết nối của các cơ sở dữ liệu và đơn giản hóa các thủ tục hành chính, dự kiến Luật Việc làm quy định trường hợp thông tin trong cơ sở dữ liệu về người lao động đã được cập nhật, điều chỉnh thông qua quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, nghiệp vụ và thu thập, cập nhật các cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu khác có liên quan (*ví dụ: cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm xã hội của 17,4 triệu lao động; 34,1 triệu dữ liệu của người lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư ...*) thì người lao động không phải thực hiện việc cập nhật, điều chỉnh thông tin

trong cơ sở dữ liệu về người lao động. Cơ quan quản lý các cơ sở dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu khác có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh các thông tin liên quan vào cơ sở dữ liệu về người lao động.

d) Sửa đổi, bổ sung quy định về hệ thống thông tin thị trường lao động (từ Điều 40 đến Điều 48)

- Cơ sở chính trị:

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII nhân mạnh: “Tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin thị trường lao động”; Nghị quyết số 42-NQ/TW đề ra nhiệm vụ, giải pháp: “Hiện đại hoá, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm”.

- Cơ sở thực tiễn:

Luật Việc làm năm 2013 đã quy định về nội dung thông tin thị trường lao động, thông tin đã được thu thập, cung cấp, tuy nhiên chưa có quy định về khái niệm và chức năng của hệ thống thông tin thị trường lao động. Thông tin thị trường lao động được thu thập, tổng hợp từ nhiều nguồn và do nhiều tổ chức, cá nhân thực hiện theo những mục tiêu khác nhau và không được tổng hợp, lưu trữ chung để phục vụ khai thác, quản lý chung.

Mặt khác, các quy định hiện nay trong Luật chưa quy định rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan liên quan (*Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan thống kê, Ủy ban nhân dân các cấp*) trong việc thu thập, tổng hợp, phân tích, dự báo, phổ biến thông tin thị trường lao động.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung:

Nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng, hoàn thiện quy định đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của pháp luật về thống kê, Luật Việc làm sửa đổi, bổ sung quy định về hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng: (i) Bổ sung quy định khái niệm và chức năng của hệ thống thông tin thị trường lao động (Điều 40); (ii) Sửa đổi, bổ sung các quy định về vai trò, trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong xây dựng, phát triển hệ thống thông tin thị trường nhằm phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu, hoạch định chính sách (từ Điều 42 đến Điều 46); (iii) Bổ sung quy định về hỗ trợ phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động (Điều 48).

đ) Bổ sung quy định về phát triển kỹ năng nghề

- Cơ sở chính trị:

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII xác định “phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao” là một trong 3 đột phá chiến lược; Nghị quyết số 42-NQ/TW chỉ rõ “Hoàn thiện tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp

áp dụng cho các ngành nghề trong xã hội”; Chỉ thị số 21-CT/TW đặt ra mục tiêu phấn đấu: “Đến năm 2045, đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao của nước phát triển, đạt trình độ tiên tiến của thế giới”.

- Cơ sở thực tiễn:

Phát triển kỹ năng nghề cho người lao động nhằm mục đích nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; chuẩn hóa trình độ kỹ năng nghề và phát triển kỹ năng của người lao động, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực trình độ cao; nâng cao khả năng dịch chuyển việc làm trên thị trường lao động; thúc đẩy đào tạo gắn với nhu cầu của thị trường lao động; giúp người sử dụng lao động tuyển, sử dụng nguồn lao động chất lượng, hiệu quả ... Tuy nhiên, tại Việt Nam trên 70% lực lượng lao động có trình độ kỹ năng nghề ở các bậc khác nhau nhưng chưa được công nhận.

Luật Việc làm hiện nay chủ yếu quy định về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, chưa quy định rõ về phát triển kỹ năng nghề. Đồng thời, Bộ luật lao động năm 2019 có quy định về nội dung giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề, tuy nhiên, chưa quy định cụ thể về mục đích, nội dung hỗ trợ phát triển kỹ năng nghề, khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia, hội đồng kỹ năng nghề.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung quy định về phát triển kỹ năng nghề theo hướng: (i) Quy định về mục đích và nội dung phát triển kỹ năng nghề (Điều 49); (ii) Khung trình độ kỹ năng nghề quốc gia (Điều 50); (iii) Hội đồng kỹ năng nghề (Điều 52); (iv) Tôn vinh, khen thưởng và giải thưởng về phát triển kỹ năng nghề (Điều 62); (v) Bổ sung quy định về kỳ thi kỹ năng nghề (Điều 67) và Hỗ trợ phát triển kỹ năng nghề (Điều 68).

e) Sửa đổi, bổ sung quy định về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

- Cơ sở chính trị:

Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII xác định “*phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao*” là một trong 3 đột phá chiến lược; Nghị quyết số 42-NQ/TW chỉ rõ “*Hoàn thiện tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp áp dụng cho các ngành nghề trong xã hội*”; Chỉ thị số 21-CT/TW đặt ra mục tiêu phấn đấu: “Đến năm 2045, đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao của nước phát triển, đạt trình độ tiên tiến của thế giới”.

- Cơ sở thực tiễn:

Hiện nay, hệ thống đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia chưa được kiện toàn, quy mô còn nhỏ, yếu về năng lực (*nhân lực, thiết bị, tài chính*), nhất là đội ngũ đánh giá viên thiếu về số lượng và yếu về chất lượng nên chưa

tổ chức đánh giá kỹ năng nghề cho người lao động với quy mô lớn (*cả nước hiện có khoảng 80 tổ chức đánh giá kỹ năng nghề, 200 bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, qua 8 năm thực hiện Luật Việc làm mới đánh giá và cấp chứng chỉ cho khoảng 80.000 lao động*). Nhiều nghề đã có tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia nhưng chưa được tổ chức đánh giá, chưa có nghề nào được đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia ở bậc 4 và 5.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung:

Nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, tăng cường năng lực tổ chức đánh giá kỹ năng nghề và chuẩn hóa đội ngũ đánh giá viên, Luật Việc làm sửa đổi, bổ sung các quy định về đánh giá kỹ năng nghề quốc gia theo hướng: (i) Sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia theo hướng cụ thể và giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thẩm định và công bố (*hiện nay là Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội*) (Điều 51); (ii) Sửa đổi quy định về tổ chức đánh giá kỹ năng nghề theo hướng cụ thể điều kiện cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá kỹ năng nghề quốc gia (Điều 55); (iii) Bổ sung quy định về đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia (Điều 58); (iv) Bổ sung quy định về tham gia đánh giá kỹ năng nghề quốc gia (Điều 59), chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (Điều 60); (v) Bổ sung quy định về công nhận tương đương hoặc miễn đánh giá kỹ năng nghề quốc gia (Điều 61); (vi) Bổ sung quy định hỗ trợ tham gia đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho các đối tượng yếu thế, đặc thù (Điều 65).

g) Bổ sung quy định về tư vấn viên dịch vụ việc làm (Điều 72)

- Cơ sở chính trị:

Nghị quyết số 42-NQ/TW đề ra nhiệm vụ, giải pháp: “*Phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiệu quả, đồng bộ với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*”; “*nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm*”.

- Cơ sở thực tiễn:

Luật Việc làm và các văn bản hướng dẫn hiện nay chỉ quy định điều kiện đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện hoạt động dịch vụ việc làm; chưa có quy định tiêu chuẩn cũng như việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên tư vấn, giới thiệu việc làm (*cả công và tư*) khi có sự thay đổi về chính sách pháp luật, việc làm trong khi đây là những người trực tiếp tư vấn về chính sách, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động, người sử dụng lao động.

Điều 9 Công ước số 88 của Tổ chức lao động quốc tế về dịch vụ việc làm (*Việt Nam đã tham gia*) quy định: “*1. Nhân sự của cơ quan dịch vụ việc làm phải gồm những viên chức nhà nước, có quy chế và điều kiện công tác để khiến*

họ không phụ thuộc bất cứ thay đổi nào trong Chính phủ và mọi ảnh hưởng không đúng đắn từ bên ngoài, và ngoại trừ những nhu cầu của dịch vụ để đảm bảo cho họ được ổn định trong công tác”, “3. Những cách thức để kiểm tra năng lực do nhà chức trách có thẩm quyền quy định”, “4. Các viên chức của cơ quan dịch vụ việc làm phải đào tạo thích hợp để thực hiện nhiệm vụ của mình”.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung:

Nhằm chuyên nghiệp hóa hoạt động dịch vụ việc làm, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công thiết yếu về việc làm, đảm bảo tuân thủ Công ước mà Việt Nam đã tham gia, Luật Việc làm (sửa đổi) bổ sung quy định liên quan tư vấn viên dịch vụ việc làm theo hướng: (i) Quy định về điều kiện tư vấn viên dịch vụ việc làm (Điều 72); (ii) Quy định điều kiện về đội ngũ quản lý và tư vấn viên dịch vụ việc làm đáp ứng yêu cầu hoạt động dịch vụ việc làm (Điều 73, Điều 76).

h) Mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp (Điều 81)

- Cơ sở chính trị:

Nghị quyết số 28-NQ/TW đặt ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2030: *“khoảng 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp”.*

- Cơ sở thực tiễn:

Giai đoạn 2015 - 2023, số người tham gia BHTN tăng qua các năm (*bình quân tăng khoảng trên 6%/năm*), đến năm 2023, số người tham gia BHTN chiếm 31,5% lực lượng lao động lao động trong độ tuổi. Do đó, để phấn đấu đạt mục tiêu đến năm 2030 khoảng 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHTN là một thách thức lớn.

Theo Luật Việc làm hiện nay, đối tượng tham gia BHTN chưa bao phủ hết các đối tượng có quan hệ lao động, chưa quy định người lao động có hợp đồng lao động từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng thuộc đối tượng tham gia BHTN (*đây là nhóm có nguy cơ mất việc làm cao và thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc*). Mặt khác, Luật cũng chưa bao phủ đối với nhóm người làm việc không trọn thời gian và một số đối tượng có hưởng lương khác chưa thuộc đối tượng tham gia BHTN nhưng hiện nay đang thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội 2024.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung:

Bổ sung đối tượng tham gia BHTN gồm: (i) Người lao động có giao kết hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 01 tháng trở lên (*hiện nay từ 03 tháng trở lên*); (ii) Người làm việc không trọn thời gian, có tiền lương trong tháng bằng hoặc cao hơn tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc thấp nhất, thống nhất với Luật Bảo hiểm xã hội 2024.

i) Linh hoạt mức đóng bảo hiểm thất nghiệp (Điều 83)

- Cơ sở chính trị:

Nghị quyết số 28-NQ/TW, Nghị quyết số 42-NQ/TW nhấn mạnh việc sửa đổi các quy định về mức đóng, tăng cường tính linh hoạt của chính sách nhằm mở rộng diện bao phủ, hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động.

- Cơ sở thực tiễn:

Luật Việc làm quy định mức đóng BHTN của người lao động và người sử dụng lao động cố định là 1% mức tiền lương tháng. Do đó, chưa đảm bảo tính linh hoạt trong điều chỉnh mức đóng BHTN, nhất là trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng kinh tế, suy thoái hoặc khi Quỹ kết dư lớn.

Thực tế, trong bối cảnh đại dịch COVID-19 vừa qua, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 03/2021/UBTVQH15, Nghị quyết số 24/2022/UBTVQH15 nhằm hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng từ Quỹ BHTN.

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung:

Sửa đổi mức đóng BHTN theo hướng: Người lao động đóng tối đa bằng 1% tiền lương tháng; Người sử dụng lao động đóng tối đa bằng 1% quỹ tiền lương tháng của những người lao động đang tham gia BHTN; Nhà nước hỗ trợ tối đa 1% quỹ tiền lương tháng đóng BHTN của những người lao động đang tham gia BHTN và do ngân sách trung ương bảo đảm.

k) Sửa đổi các chế độ bảo hiểm thất nghiệp

- Chế độ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động

+ Cơ sở chính trị:

Nghị quyết số 28-NQ/TW quy định: “Sửa đổi, bổ sung chính sách bảo hiểm thất nghiệp, chính sách việc làm theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động duy trì việc làm, bảo đảm quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp và người lao động”; Nghị quyết số 42-NQ/TW quy định: “Chính sách bảo hiểm thất nghiệp phải hỗ trợ cho doanh nghiệp trong nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động để duy trì việc làm bền vững; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thất nghiệp”.

+ Cơ sở thực tiễn:

Quy định về điều kiện để hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động quy định tại Luật Việc làm và các văn bản hướng dẫn khá chặt chẽ, do đó, người sử dụng lao động khó khăn trong việc tiếp cận được với chế độ này.

Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ đã mở rộng một trong các điều kiện hưởng chế độ này theo hướng đơn vị thay đổi cơ cấu công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động, đến nay có 66 đơn vị được hỗ trợ 38,87 tỷ đồng từ nguồn Quỹ BHTN để đào tạo duy trì việc làm cho 8.230 người lao động, tuy nhiên số doanh nghiệp được hỗ trợ và tiếp cận chế độ còn thấp. Do đó, cần sửa đổi Luật Việc làm để tăng cường hơn nữa hỗ trợ người sử dụng lao động từ Quỹ BHTN.

+ Đề xuất sửa đổi, bổ sung:

Sửa đổi, bổ sung theo hướng: (i) Quy định các trường hợp người sử dụng lao động được hỗ trợ (*Lý do kinh tế, thay đổi cơ cấu, công nghệ theo quy định tại Bộ luật Lao động; Thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa hoặc dịch bệnh nguy hiểm; Thực hiện quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc di dời hoặc thu hẹp địa điểm sản xuất kinh doanh*) (Điều 88) và (ii) Quy định điều kiện hỗ trợ theo hướng tạo thuận lợi để tiếp cận chính sách (*gồm điều kiện về tham gia đóng BHTN và phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động*) (Điều 89).

- Sửa đổi chế độ hỗ trợ tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động

+ Cơ sở chính trị:

Nghị quyết số 28-NQ/TW quy định: “*Sửa đổi, bổ sung chính sách bảo hiểm thất nghiệp, chính sách việc làm theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động duy trì việc làm, bảo đảm quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp và người lao động*”.

+ Cơ sở thực tiễn:

Giai đoạn 2015 - 2023, cả nước có 256.350 người được hỗ trợ học nghề, bình quân 28.483 người/năm. Chế độ hỗ trợ học nghề theo quy định của Luật Việc làm 2013 mới chỉ tập trung giải quyết được nhu cầu học nghề cho người thất nghiệp mà chưa có giải pháp hỗ trợ cho người lao động được đào tạo, phát triển kỹ năng nghề hoặc nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động. Đồng thời, mức hỗ trợ học nghề còn tương đối thấp, chỉ hỗ trợ học phí học nghề, chưa có các hỗ trợ khác trong thời gian học nghề dẫn đến khó khăn trong việc tham gia học nghề nhất là với những người bị mất việc làm nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp.

+ Đề xuất sửa đổi, bổ sung:

Sửa đổi theo hướng: (i) Mở rộng phạm vi hỗ trợ, không chỉ hỗ trợ người lao động tham gia khóa đào tạo nghề mà cả các khóa bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề (Điều 105); (ii) Bổ sung nội dung hỗ trợ (tiền ăn) cho người lao động trong thời gian tham gia đào tạo mà không hưởng trợ cấp thất nghiệp (Điều 106).

Ngoài ra sửa đổi, bổ sung các chế độ:

+ Chế độ tư vấn, giới thiệu việc làm: Sửa đổi, bổ sung theo hướng: (i) Quy định đối tượng hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm gồm: người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp và người lao động đang tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề (Điều 103); (ii) Bổ sung quy định kinh phí thực hiện tư vấn, giới thiệu việc làm được chi trả từ Quỹ BHTN cho trung tâm dịch vụ việc làm theo giá tư vấn, giới thiệu việc làm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định (Điều 104);

+ Chế độ hỗ trợ người sử dụng lao động khi sử dụng lao động là người khuyết tật (từ Điều 109 đến Điều 112): Bổ sung chế độ và quy định: người sử dụng lao động khi tuyển dụng và sử dụng lao động là người khuyết tật được hỗ trợ tiền đóng BHTN thuộc trách nhiệm người sử dụng lao động phải đóng cho lao động là người khuyết tật và thời gian hỗ trợ không quá 12 tháng (Điều 109).

1) Một số sửa đổi, bổ sung khác

- Bổ sung các quy định hỗ trợ việc làm cho người cao tuổi (Điều 23, Điều 24); các chính sách hỗ trợ việc làm trong bối cảnh khủng hoảng, suy thoái kinh tế, thiên tai, dịch bệnh (Điều 26); hỗ trợ thúc đẩy việc làm theo hướng bền vững (Điều 27);

- Bổ sung quy định về hoạt động kinh doanh dịch vụ việc làm theo phương thức thương mại điện tử (Điều 70); quy định về sàn giao dịch việc làm trực tuyến quốc gia (Điều 71);

- Sửa đổi quy định về hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm công theo hướng thu gọn đầu mối và chuyên nghiệp hóa (Điều 73);

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp nhằm hạn chế gian lận, trục lợi BHTN nhằm phù hợp với chủ trương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW về cải cách chính sách tiền lương và Luật Bảo hiểm xã hội 2024 (từ Điều 94 đến Điều 102);

- Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan về quản lý nhà nước về BHTN (từ Điều 113 đến Điều 115), Quỹ BHTN (từ Điều 116 đến Điều 120) và khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về bảo hiểm thất nghiệp (từ Điều 121 đến Điều 125) đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Luật Bảo hiểm xã hội 2024.

3. Về phân cấp, phân quyền và cải cách thủ tục hành chính

Dự thảo Luật Việc làm (sửa đổi) dự kiến quy định 21 thủ tục hành chính, trong đó có 05 thủ tục ban hành mới, 13 thủ tục sửa đổi, bổ sung và 03 thủ tục giữ nguyên (so với Luật Việc làm số 38/2013/QH13). Dự thảo Luật đã sửa đổi,

bổ sung các nội dung, qua đó từng bước hoàn thiện quy định đối với toàn bộ 18 thủ tục hành chính ban hành mới và sửa đổi, bổ sung; đồng thời đã sửa đổi nhằm đơn giản hóa, mở rộng đối tượng được thụ hưởng chính sách và tạo thuận lợi trong việc thực hiện đối với 06 thủ tục hành chính (*Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm đối với người lao động; Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh; Cho vay đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp; Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hàng tháng và Hỗ trợ người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề*).

Dự thảo Luật đã đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các cơ quan, tổ chức ở địa phương, cụ thể: (i) Đăng ký, xoá đăng ký lao động; (ii) Cấp, cấp lại, nộp lại, thu hồi giấy phép và rút tiền ký quỹ hoạt động dịch vụ việc làm; (iii) Hỗ trợ người sử dụng lao động kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động; (iv) Hỗ trợ người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề; (v) Hỗ trợ người sử dụng lao động tiền đóng bảo hiểm thất nghiệp khi sử dụng người lao động là người khuyết tật. Những sửa đổi nêu trên đã đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền được nêu tại Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước và Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

(Bản đánh giá thủ tục hành chính của dự thảo Luật Việc làm (sửa đổi) kèm theo.)

VI. TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO LUẬT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH; TÍNH TƯƠNG THÍCH CỦA DỰ THẢO LUẬT VỚI CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ MÀ NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN

Dự thảo Luật Việc làm (sửa đổi) đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ; không mâu thuẫn, chồng chéo và trùng lặp với hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật trong cùng lĩnh vực việc làm, lao động và an sinh xã hội và các lĩnh vực có liên quan; không có quy định trái với Hiến pháp năm 2013; đồng thời tương thích với các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia.

(Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và cam kết quốc tế có liên quan đến dự án Luật Việc làm (sửa đổi) kèm theo.)

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

Sau khi Luật Việc làm (*sửa đổi*) được thông qua, Chính phủ giao các Bộ chuẩn bị theo thẩm quyền để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành theo đúng tiến độ.

2. Tuyên truyền, phổ biến Luật

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương, trong đó ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan bảo hiểm xã hội và NHCSXH là các đơn vị chủ trì thực hiện tuyên truyền, phổ biến Luật Việc làm (*sửa đổi*) và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

3. Bảo đảm nguồn lực thực hiện Luật

Với các chính sách nêu trên, về cơ bản không yêu cầu tăng thêm nhân lực để triển khai thực hiện chính sách sau khi được thông qua. Việc triển khai thực hiện luật sau khi được thông qua vẫn được đảm bảo thực hiện bởi nguồn nhân lực như hiện hành của các cơ quan (*NHCSXH, cơ quan bảo hiểm xã hội, hệ thống trung tâm dịch vụ việc làm*), không cần tăng thêm nguồn nhân lực. Đồng thời, phát sinh kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (*Trung ương, địa phương*) trong: cấp bù chênh lệch lãi suất cho vay giải quyết việc làm; hỗ trợ phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, dịch vụ việc làm, phát triển kỹ năng nghề; hỗ trợ tạo việc làm (trong nước và ngoài nước) cho các đối tượng yếu thế, đặc thù ... Ngoài ra, phát sinh chi phí trong trường hợp Nhà nước có các chính sách hỗ trợ để ứng phó các “cú sốc” như khủng hoảng thị trường, suy thoái kinh tế, thiên tai, dịch bệnh.

4. Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp

Phát sinh tăng chi phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động; chi phí tư vấn, giới thiệu việc làm và hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề; giảm chi phí trợ cấp thất nghiệp. Với kết dư Quỹ hiện nay và mức đóng bảo hiểm thất nghiệp vẫn đảm bảo cân đối và an toàn Quỹ.

5. Theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành Luật

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương thực hiện công tác theo dõi, kiểm tra tình hình thi hành Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

Hồ sơ kèm theo Tờ trình này gồm:

(1) Dự thảo Luật Việc làm (sửa đổi); (2) Bản đánh giá thủ tục hành chính; (3) Báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; (4) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (5) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (6) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của thành viên Chính phủ; (7) Báo cáo tổng kết Luật Việc làm 2013, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan; (8) Báo cáo rà soát hệ thống pháp luật và cam kết quốc tế; (9) Báo cáo đánh giá tác động chính sách mới; (10) Bảng so sánh Luật Việc làm 2013 và dự thảo Luật Việc làm (sửa đổi); (11) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân; (12) Bản chụp ý kiến góp ý; (13) Dự thảo văn bản quy định chi tiết Luật Việc làm (sửa đổi).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Vụ TH;
- Lru: VT, PL (2).

45

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**



Đào Ngọc Dung

